

Bản án số: 185/2021/HC-PT

Ngày: 19-7-2021

V/v: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết
định hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Trần Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Nguyễn Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phong, Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:*
Bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 205/2020/TBPT-HC ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1654/2021/QĐXX-PT ngày 25 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số 1575/2020/QĐ-PT ngày 22/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số 189/2020/QĐ-PT ngày 26/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 626/2021/QĐ-PT ngày 26/01/2021, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Võ Thị H, sinh năm 1968. Địa chỉ: 267/38 N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1961; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 15/11/2019). Có mặt.

* **Người bị kiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang V. Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trần Thị S, sinh năm: 1923. Địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng. Có

đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Võ Thị X, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Tổ 31 mới, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Trí H, sinh năm: 1968. Địa chỉ: 267/38 N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

- Ông Trần Hà T, sinh năm: 1953. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Hà T và bà Võ Thị X:
Bà Nguyễn Thị Liên H - Luật sư, Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: tp. Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Hà T và bà Võ Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện; đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình đối thoại và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn B trình bày:

Tại Thông báo số 86/TB-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, dòng 17 đến dòng 22 trang 2 thông báo có ghi: Trong quá trình lập hồ sơ xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S có kiểm tra, đối chiếu với sơ đồ vị trí khu đất mà TAND thành phố đã giao cho bà S cho nên vị trí đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S hoàn toàn trùng khớp với sơ đồ vị trí đất mà TAND thành phố Đà Nẵng đã giao cho bà Trần Thị S. Xét thấy việc ghi là trái pháp luật, bởi nhìn sơ đồ tại Giấy chứng nhận ngày 07/9/2018 thì phát hiện được ngay là sơ đồ có sự khác biệt rất lớn so với sơ đồ vị trí phân chia đất mà Tòa án đã giao cho bà S tại bản án số 04/2017/DS-ST ngày 20/01/2017. Ngôi nhà theo bản án có chiều dài là 14m, chiều rộng là 5,82m trong khi đó sơ đồ tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chiều dài là 15,2m và chiều rộng là 5,78m. Tòa chia cho bà thừa đất diện tích 76,95m² có chiều dài 9,22m, tại sơ đồ giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thì chiều dài thừa đất là 9,14m (thiếu 08cm). Mặt khác ngôi nhà diện tích 87,7m² bị chuyển dịch về phía sau đến 2,5m.

Xét sơ đồ bản án số 04/2017/DSST ngày 20/01/2017 của TAND thành phố Đà Nẵng thì mặt tiền thừa đất tranh chấp có số đo 9,68m + 9,10m = 18,78m. Diện tích đất Tòa chia cho bà là 76,95m², mặt tiền và mặt hậu có số đo là 7,7m, như vậy 11,08m là số đo mặt tiền thừa đất của bà S.

Xét sơ đồ tại giấy chứng nhận Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà S có số đo mặt tiền là 9,68m + 4,05m = 13,73m, do đó số đo mặt tiền còn lại là 5,05m, như vậy số đo mặt tiền của bà hiện thuộc quyền sử dụng của bà S là 2,66m.

Mặt tiền là chiều dài thừa đất Tòa chia cho bà là 12,26m², việc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố công nhận lấy 12,26m² đất trong diện tích đất 76,95m² cấp cho bà S là trái pháp luật, không tôn trọng bản án đã có hiệu lực.

Bà S được Tòa án tuyên giao nhà, đất nếu không cưỡng chế thi hành án thì căn cứ vào bản án của Tòa án đã có hiệu lực để cấp Giấy theo khoản 3 Điều 100

Luật đất đai 2013. Trường hợp bị cưỡng chế thi hành án căn cứ vào quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án quy định tại Khoản 3 Điều 100 Luật đất đai 2013 để cấp Giấy chứng nhận mà không cần lập Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới, không cần các hộ liền kề ký tứ cận. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới và chữ ký của các hộ liền kề để cấp Giấy chứng nhận ngày 07/9/2018 cho bà S là trái quy định của pháp luật, đồng nghĩa Bản án nói trên và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 03/QĐ-CTHADS ngày 04/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng bị vô hiệu.

Tại dòng 1 đến dòng 4 trang 3 thông báo số 186 có ghi: Diện tích ngôi nhà cấp 4: *Bản án và quyết định điều chỉnh của TAND thành phố Đà Nẵng giao cho bà Trần Thị S ngôi nhà cấp 4, diện tích 81,4m² nhưng theo số liệu đo đạc thực tế là 87,7m² là không đúng sự thật.*

Giả sử ngôi nhà chưa bị cưỡng chế phá bỏ vào sáng ngày 26/01/2018 thì Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ được quyền cấp cho bà S ngôi nhà có diện tích 81,4m².

Cây trồng, am thờ là tài sản của bà và ông Trần Chí H, bản án số 04/2017/DS-ST ngày 20/01/2017 không tuyên thuộc tài sản của bà S, việc sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà S là trái pháp luật.

Hạn mức đất ở tại quận S là 150m², tại Giấy chứng nhận Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà S 345m² đất ở là trái pháp luật.

Bà Võ Thị H yêu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CO 150758 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/9/2018 cho bà Trần Thị S là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

* Tại văn bản số 4006/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 14/11/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng trình bày:

Bà Trần Thị S được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là Giấy chứng nhận) số CO 150758 ngày 07/9/2018, thửa đất số 47, tờ bản đồ số 17, diện tích 815m² (trong đó đất ở 345m², đất trồng cây lâu năm 470m²), diện tích xây dựng 87m², diện tích sàn 87,7 m² tại Tổ 31 phường M, quận S.

Sơ đồ, diện tích thửa đất cấp Giấy chứng nhận cho bà S căn cứ và xác định đúng theo sơ đồ thể hiện tại bản án; quyết định sửa chữa, bổ sung bản án và đã được Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ra quyết định cưỡng chế thi hành án, tổ chức bàn giao nhà, đất cho bà Trần Thị S. Việc thi hành án đã được thực hiện xong trước khi lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho bà Trần Thị S. Diện tích đo đạc thực tế cấp Giấy chứng nhận có giảm 4.1 m²; chủ sử dụng đất liền kề đã ký xác nhận ranh giới, mốc giới sử dụng đất của bà Trần Thị S, diện tích đất cấp Giấy chứng nhận xác định phù hợp theo bản án, quyết định sửa chữa, bổ sung bản án nên không có sự chùng lún đến phần đất của hộ bà Võ Thị H.

Cơ sở để công nhận và trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản trên đất và xác định việc tồn tại ngôi nhà khi cấp Giấy chứng nhận là theo diện tích

xây dựng đo đạc thực tế là 87.7 m² cho bà Trần Thị S căn cứ theo đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận của bà S, bản án, quyết định sửa chữa bổ sung bản án nói trên và xác nhận của UBND phường M, UBND phường niêm yết công khai từ ngày 15/6/2018 đến ngày 29/6/2018. Theo ý kiến của UBND phường M tại Công văn số 279/UBND ngày 19/4/2019 thì UBND phường xác định thời điểm tiếp nhận hồ sơ niêm yết công khai có tồn tại ngôi nhà nêu trên, sau đó gia đình bà S tháo dỡ lúc nào địa phương không nắm rõ.

Phần diện tích đất 345.0 m² đất ở công nhận cho bà Trần Thị S được thực hiện theo điểm đ khoản 16, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; khoản 2 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và khoản 2 Điều 103 Luật đất đai 2013.

Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho bà Trần Thị S thực hiện theo Điều 70 Nghị định 43.

Ngày 13/11/2018, bà Trần Thị S tặng cho toàn bộ nhà đất trên cho bà Võ Thị X theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10734 lập tại Phòng công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận nêu trên ngày 26/11/2018.

Sau đó, bà Võ Thị X chuyển nhượng toàn bộ nhà đất trên cho ông Trần Hà T theo hợp đồng chuyển nhượng số 1834 lập tại Phòng công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng ngày 13/3/2019, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận nêu trên ngày 18/3/2019.

Tiếp đó, ông Trần Hà T đề nghị cấp đổi lại Giấy chứng nhận và được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận số CP 915388 ngày 12/4/2019 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 17, diện tích 815 m² trong đó đất ở 345 m², đất trồng cây lâu năm 470 m².

Ông T xin chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang sử dụng vào mục đích đất ở đô thị với diện tích 200m² và được UBND quận S cho phép theo Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 17/7/2019, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận trên ngày 01/8/2019

Việc thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận sau khi cấp giấy chứng nhận đổi với thửa đất nêu trên được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục hiện hành nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

* Tại bản trình bày ý kiến của bà Võ Thị X, ông Trần Hà T và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị X, ông Trần Hà T là bà Nguyễn Thị Liên Hương trình bày:

Nguyên diện tích đất 1198m² thuộc thửa số 47 và thửa số 59 tờ bản đồ số 17 tại phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn S (chết năm 2012) và bà Trần Thị S. Ông S, bà S có 05 người con chung gồm: Ông Võ Văn S1, ông Võ Văn S2, ông Võ Văn S3, bà Võ Thị H và bà Võ Thị X.

Năm 2015, bà Trần Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Võ Văn S để lại. Ngày 20/01/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Bản án số 04/2017/DS-ST kèm theo sơ đồ phân chia đất và thông báo đính chính bản án đã chia cho bà Trần Thị S 846,5 m² và toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất; bà Võ Thị H được chia 76,95m² đất tại thửa số 47 tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại tổ 27B phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 04/10/2017, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự đã cấm trụ bê tông phân chia giữa phần đất giao cho bà S và phần đất 76,95 m² giao cho bà H.

Ngày 11/01/2018, Chấp hành viên đã ra Quyết định số 05/QĐ-CTHADS về việc cưỡng chế giao nhà và quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S. Tại biên bản về việc cưỡng chế tài sản ngày 26/01/2018 Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đã đề nghị Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố Đà Nẵng triển khai đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới của nhà đất phải giao theo sơ đồ kèm theo bản án và tiến hành xây ngăn cấm trụ bê tông phân chia giữa phần đất giao cho mẹ bà và phần đất 76,95 m² giao cho bà H.

Sau khi thi hành án, bà Trần Thị S đã yêu cầu cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nói trên. Căn cứ Bản án nói trên kèm theo sơ đồ phân chia đất và thông báo sửa chữa bản án, quyết định thi hành án, căn cứ thực tế đo đạc, ngày 07/9/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số CO 150758 cho bà Trần Thị S cấp Giấy chứng nhận là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Ngày 13/11/2018, tại Văn phòng công chứng số II thành phố Đà Nẵng bà Trần Thị S đã làm thủ tục tặng cho nhà đất trên cho bà Võ Thị X. Ngày 26/11/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai quận S, thành phố Đà Nẵng đã đăng ký biến động vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đầu năm 2019, bà Võ Thị X đã chuyển nhượng toàn bộ nhà đất nói trên cho ông Trần Hà T có địa chỉ tại phường 12, quận 4 thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Trần Hà T đã đóng tiền chuyển mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm thành đất ở với diện tích 200 m². Ngày 12/4/2019, ông Trần Hà T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số CP 915388, vào sổ cấp GCN: CTs 184271.

Như vậy, bà S và bà X không còn quyền lợi liên quan đến nhà đất nói trên nữa, mặt khác việc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận cho bà S không làm ảnh hưởng gì đến quyền lợi của bà Võ Thị H. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

* Tại văn bản trình bày của ông Trần Hà T đề ngày 02/01/2020 thống nhất như nội dung trình bày của bà Võ Thị X. Đối với tài sản là nhà cấp 4 gắn với diện

tích 87,7 m² đã xuống cấp và bản thân không có nhu cầu sử dụng nên cuối tháng 7/2018 ông T đã thuê người triệt hạ ngôi nhà và vật kiến trúc gắn liền với đất thu dọn sạch san phẳng mặt bằng như thực trạng hiện nay. Ông hoàn toàn không biết bà Võ Thị H là ai, sau khi tìm hiểu ông T thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 915388 ngày 12/4/2019 Nhà nước công nhận cho ông không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp gì của bà H. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Võ Thị H.

Trên cơ sở nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 193, Điều 206, Điều 211 Luật tổ tụng hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 150758 ngày 07/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Trần Thị S.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 5 năm 2020, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Võ Thị H là ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người đại diện của người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S, Võ Thị X, ông Trần Hà T; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Hà T, bà Võ Thị X đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và có ý kiến giữ nguyên quan điểm như phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Văn B là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Võ Thị H xuất trình đơn đề nghị hoãn phiên tòa của bà Võ Thị H ghi ngày 19-7-2021 với lý do phải chờ kết quả giải quyết khiếu nại việc Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại ngày 03-7-2021. Ông Nguyễn Văn B còn cho rằng phiên tòa hôm nay là lần đầu nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trí H vắng mặt nên ông cũng yêu cầu hoãn phiên tòa phúc thẩm như đề nghị của bà Võ Thị H. Tại đơn đề nghị tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn B yêu cầu nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận hoãn phiên tòa thì tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm: Về tố tụng, việc người khởi kiện bà Võ Thị H đề nghị hoãn phiên tòa hôm nay để chờ các cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại của bà không phải là lý do chính đáng để hoãn phiên tòa; việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trí H không ảnh hưởng đến việc xét xử vì ông H đã có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn B trình bày nếu không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của người khởi kiện thì đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông; các đương sự trong vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung. Về nội dung, kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên đề nghị HĐXX bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy vụ án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm lần thứ Tư, do đó người khởi kiện bà Võ Thị H tiếp tục đề nghị hoãn phiên tòa để chờ kết quả giải quyết khiếu nại của bà là không thể chấp nhận được, bởi lẽ điểm d khoản 2 Điều 328 Luật tố tụng hành chính quy định nghĩa vụ của người khiếu nại là: “Chấp hành quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng mà mình đang khiếu nại trong thời gian khiếu nại”. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trí H là chồng của người khởi kiện bà Võ Thị H nên phải biết Tòa án triệu tập để xét xử, mặt khác việc ông H vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn B là đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có yêu cầu nếu Tòa án không chấp nhận hoãn phiên tòa thì đề nghị HĐXX xét xử vụ án vắng mặt ông. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

- Bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 150758 ngày 07/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Trần Thị S, là quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Võ Thị H yêu cầu sửa án sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CO 150758 ngày 07/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Trần Thị S thì thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất: diện tích 1.198 m² thuộc thửa đất số 47 và thửa đất số 59, tờ bản đồ số 17 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng

của vợ chồng ông Võ Văn S và bà Trần Thị S. Ông S và bà S có 05 người con là Võ Văn S1, Võ Văn S2, Võ Văn S3, Võ Thị H và Võ Thị X. Năm 2012, ông Võ Văn S chết, năm 2015, bà Trần Thị S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của ông S. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 20/01/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2017/QĐ-SCBSBA ngày 27/01/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã chia cho bà Trần Thị S 846,50m² đất và toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất kèm sơ đồ phân chia tài sản; phần của các con là Võ Thị H và Võ Văn S2 mỗi người được chia là 76,95m² tại thửa số 47, tờ bản đồ số 17. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị S đã nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên phần diện tích được chia.

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 150758 ngày 07/9/2018 đứng tên bà Trần Thị S: Sau khi tiếp nhận hồ sơ của bà Trần Thị S, Văn phòng đăng ký đất đai quận S đã tiến hành đo đạc thửa đất, lấy ý kiến dân cư xác định quy hoạch, gửi phiếu đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính của bà S và tiến hành niêm yết công khai hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S. Hết thời hạn niêm yết mà không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 07/9/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CO 150758 cho bà Trần Thị S tại thửa đất số 47, tờ bản đồ 17, diện tích 846,50m², trong đó có 345m² đất ở và 470m² đất trồng cây lâu năm cùng các tài sản khác trên đất. Như vậy, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 150758 ngày 07/9/2018 đứng tên bà Trần Thị S được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 18, Điều 70 Nghị định số 43/2012/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013 và khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.

[2.1.2] Quá trình sử dụng đất: Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 13/11/2018, bà Trần Thị S đã tặng cho toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ 17, phường M, quận S cho con gái là Võ Thị X. Ngày 26/11/2018, Văn phòng đăng ký đất đai quận S đã đăng ký biến động vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 150758. Ngày 18/3/2019, bà Võ Thị X đã chuyển nhượng toàn bộ nhà đất nêu trên cho ông Trần Hà T. Ngày 12/4/2019, ông Trần Hà T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CP 915388, vào sổ cấp GCN: CTs 184271. Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 150758 ngày 07/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Trần Thị S đã bị thu hồi và hủy bỏ từ thời điểm ông Trần Hà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CP 915388 ngày 12/4/2019.

[2.2]. Về đối tượng khởi kiện và nội dung cấp đất chồng lấn:

[2.2.1]. Xét ông Trần Hà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CP 915388 ngày 12/4/2019. Vì vậy, đối tượng khởi kiện trong vụ án này không còn, nên việc Tòa án cấp sơ

thẩm không có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thị H là đúng pháp luật.

[2.2.2]. Bà Võ Thị H cũng cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S vượt hạn mức, chồng lấn lên phần đất được chia cho ông Võ Văn S2, cấp luôn phần cây trồng và am thờ của vợ chồng bà H thì thấy: Tại Thông báo số 86/TB-UBND ngày 11/7/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại có nội dung: Quá trình lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 150758 cho bà Trần Thị S có lập mô tả ranh giới, mốc giới và có ký xác nhận của các chủ sử dụng đất liền kề, đồng thời có đối chiếu với sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo bản án mà Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã giao cho bà Trần Thị S theo bản án và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2017/QĐ-SCBSBA ngày 27/01/2017 là 846,50m². Như vậy, đối với diện tích đất được giao theo Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì không áp dụng hạn mức. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án dân sự về chia tài sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành ủy thác tư pháp nhưng ông S2 không có ý kiến liên quan đến vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao kỉ phần thừa kế của ông Võ Văn S2 cho bà Trần Thị S tạm giữ. Do đó, nếu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S có chồng lấn thì ông S2 có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác hoặc yêu cầu bà S thanh toán kỉ phần được hưởng. Ông S2 không ủy quyền cho bà Võ Thị H khởi kiện hoặc khiếu nại nên không có căn cứ để xem xét liên quan đến nội dung này. Bà H cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S chồng lấn phần cây trồng và am thờ của vợ chồng bà H nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sơ đồ cấp đất cho bà S không thể hiện cây trồng và am thờ nên nội dung này cũng không có căn cứ để đề cập đến.

[2.2.3]. Về quá trình sử dụng đất của bà Võ Thị H: Bà H được quyền sử dụng diện tích 76,95m² đất tại thửa 47 tờ bản đồ số 17 theo Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 20/01/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2017/QĐ-SCBSBA ngày 27/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Hiện nay bà H vẫn chưa thi hành quyết định của bản án nêu trên, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với kỷ phần thừa kế được hưởng. Do đó, việc bà H khởi kiện cho rằng Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp đất cho bà S chồng lấn lên phần đất của bà H theo số liệu mà bà H tự đo đạc và cung cấp cho Tòa án là không có căn cứ. Khi bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu phát hiện ra sai sót hoặc chồng lấn thì được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo đúng quy định pháp luật.

Bà Võ Thị H kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng Bà không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015, bác kháng cáo của người khởi kiện bà Võ Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 52 Luật Đất đai năm 2013, tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CO 150758 ngày 07/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Trần Thị S.

3. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Võ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm (Đã nộp tại biên lai thu số 0002625 ngày 08-6-2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng) .

Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Cường

Trần Minh Tuấn